*Năm học; 2023-2024*

TIẾT 26**- BÀI 13: GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á**

**TỪ ĐẨU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THÊ KỈ X**

Ngày soạn: 31/12/2023

Ngày giảng; 6A- /01/2024

6B- /01/2024

6C- /01/2024

6D- 03/01/2024

**I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức

- Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về năng lực

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Tự hào về những thành tựu văn hoá - văn minh của các nước Đông Nam Á.

- Hình thành ý thức trân trọng, giữ gìn các di sản và những giá trị văn hoá truyền thống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Những tư liệu bổ sung vế các thành tựu văn hoá chủ yếu của Đông Nam Á.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Học sinh**

- SGK.

- Tranh, ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh), tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc cá nhân.

- HS:

+ Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, suy nghĩ trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

+ Lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV có thể cho HS xem video ngắn về Tết té nước Song-kran rất đặc trưng của người Thái. Sau đó, có thể kích thích HS hứng thú đối với bài học mới theo gợi ý phần mỏ’ đầu của SGK.

- GV cũng có thể đưa một vài quan điểm về khu vực Đông Nam Á như: “những Ấn Độ thu nhỏ”, hay “một phần của thế giới Trung Hoa” và quan điềm khác: “văn hoá Ấn Độ chỉ như một lớp sơn bao phủ bề ngoài văn hoá Đông Nam Á”,... để HS tranh luận và nhận thấy điều thú vị, muốn khám phá để có câu trả lời chính xác thông qua tìm hiểu nội dung bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Mục 1. Tín ngưỡng, tôn giáo**

**a. Mục tiêu:** HS kể được tên một số tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á.

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh), tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc nhóm.

- HS: Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1,2,3:**  GV có thể yêu cầu HS: *Kể tên một số tín ngưỡng dàn gian ở Việt Nam mà em biết.* HS kể được tên một số tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á.  Sau đó, GV giới thiệu về một số tín ngưỡng chủ yếu như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ Thần - Vua, tục cầu mưa ở các nước thuộc khu vực Đông Nam Á. GV có thê’ liên hệ với hình ảnh con cóc trên mặt trống đồng Đông Sơn, biểu tượng của tục cầu mưa của cư dân làm nông nghiệp Văn Lang - Âu Lạc.  GV yêu cầu HS: *Dựa vào nội dung trong SGK, kết hợp quan sát hình ảnh và khai thác cả nội dung mục Em có biết em, có nhận xét gì về tín ngưỡng Thần - Vua của người Chăm ? Qua đó, hãy cho biết đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của các cư dân Đông Nam Á đã chịu ảnh hưởng từ văn hoá Án Độ, Trung Quốc như thế nào?*  HS kể được tên các tín ngưỡng bản địa và nêu được nhận xét. |  |
| **Bước 4:**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | - Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian, hầu hết có liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.  - Các tín ngưỡng bản địa ở Đông Nam Á đã kết hợp, dung hoà với những tôn giáo bên ngoài như Ấn Độ giáo, Phật giáo, tạo nên đời sổng tín ngưỡng đa dạng, phong phú. |

**2.2. Mục 2. Chữ viết - Văn học**

**a. Mục tiêu:** HS kể được tên những chữ viết cổ của cư dân Đông Nam Á và tên một số tác phẩm văn học tiêu biểu của các nước Đông Nam Á.

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh), tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc nhóm.

- HS: Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1,2:**  GV phát Phiếu học tập, yêu cầu HS khai thác tư liệu trong mục và liệt kê những loại chữ viết cổ của cư dần Đông Nam Á tạo ra trên cơ sở học tập và tiếp thu chữ Phạn; kể tên những tác phẩm văn học của các nước Đông Nam Á học tập từ sử thi *Ra-ma-y-a-na* của người Ấn.  Sau đó, GV yêu cầu HS: *Hãy cho biết những bằng chứng nào chứng tỏ chữ viết, văn học Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.*  **Bước 3:** |  |
| HS kể được tên những chữ viết cổ của cứ dân Đông Nam Á và tên một số tác phẩm văn học tiêu biểu của các nước Đông Nam Á có chịu ảnh hưởng của văn học Ấn Độ trong thời gian này.  **Bước 4:**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | - Các cư dân Đông Nam Á tạo ra nhiều loại chữ viết trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn của người Ấn Độ. Riêng người Việt thì tiếp thu chữ Hán của người Trung Quốc.  - Văn học các quốc gia Đông Nam Á cũng tiếp thu văn học Ấn Độ, đặc biệt là việc phóng tác các bộ sử thi từ sử thi *Ra-ma-y-a-na* của Ấn Độ. |

**2.3. Mục 3. Kiến trúc - Điêu khắc**

**a. Mục tiêu:** HS thấy được ảnh hưởng của Ân Độ giáo đến các công trình kiến trúc, điêu khắc của các nước Đông Nam Á.

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh), tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc nhóm.

- HS: Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** Trả lời được các câu hỏi của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1,2,3:**  GV có thể tổ chức cho HS chuẩn bị ở nhà (theo nhóm) bài thuyết trình (nội dung và những hình ảnh đặc trưng) về công trình kiến trúc nổi tiếng nhất trong thời kì này: đền Bô-rô-bu-đua.  Cho đại diện từng nhóm lên trình bày trước lớp. Các bạn trong nhóm có thể bổ sung để đầy đủ và hay hơn.  HS thấy được ảnh hưởng của Ân Độ giáo đến các công trình kiến trúc, điêu khắc của các nước Đông Nam Á.  GV hỏi HS: *Kiến trúc và điêu khắc Dông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thê'kỉ X có điểm gì nổi bật ?*  HS trả lời được nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo, Phật giáo. |  |
| **Bước 4:**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | - Tên một số công trình kiến trúc, điêu khắc nổi tiếng ở Đông Nam Á được xây dựng từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.  - Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo, Phật giáo. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm:**Hoàn thành bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1.** HS cần phân tích được những ý chính sau:

Văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á rất sâu sắc và toàn diện trên nhiều lĩnh vực như: tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, chữ viết, văn học, kiến trúc, điêu khắc. Đặc biệt, dấu ấn văn hoá Ấn Độ rất đậm nét. Tuy nhiên, nhiều nét văn hoá bản địa của các cư dân Đông Nam Á vẫn được giữ gìn và phát triển trên cơ sở tiếp thu văn hoá Ân Độ và Trung Quốc.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài tập nhóm.

Tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

**Câu 2.** GV hướng dẫn HS tìm thông tin trên các sách báo, internet và cách thức HS chia sẻ thông tin với bạn về một thành tựu văn hoá Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc. GV khuyến khích HS tìm hiểu thêm vế những thành tựu văn hoá ngoài SGK.

**Câu 3.** HS tìm hiểu biểu tượng trên lá cờ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày nay.

GV gợi ý HS theo nội dung sau:

- Lá cờ ASEAN tượng trưng cho sự hoà bình, bến vững, đoàn kết và năng động của ASEAN.

- Biểu tượng bó lúa ở trung tâm: tượng trưng cho ngành kinh tế chủ đạo của các nước Đông Nam Á là nông nghiệp trồng lúa nước (được kế thừa và phát triển trải qua hàng nghìn năm lịch sử).

- Các thân cây lúa là biểu tượng cho các quốc gia ASEAN (Ban đầu là 5 quốc gia sáng lập và Bru-nây (tham gia năm 1984). Đến năm 1995, đã bổ sung thêm bốn thần cây lúa thể hiện tầm nhìn của ASEAN bao gổm cả 10 quốc gia trong khu vực (Đông Ti-mo mới tách ra từ In-đô-nê-xi-a vào năm 2002).

- Vòng tròn tượng trưng cho sự thống nhất của 10 quốc gia Đông Nam Á.

- Bốn màu của lá cờ: xanh, đỏ, trắng, vàng. Màu xanh tượng trưng cho hoà bình và sự ổn định. Màu đỏ thể hiện động lực và can đảm. Màu trắng nói lên sự thuần khiết. Màu vàng tượng trưng cho sự thịnh vượng. Đây cũng là bốn màu chủ đạo trên quốc là của 10 nước thành viên ASEAN.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Tục thờ Lin-ga-y-o-ni:

Tín ngưỡng phổn thực đã có từ thời nguyên thuỷ, khi con người nhận thức được vạn vật hình thành và phát triển nhờ sự kết hợp của yếu tố âm và dương. Từ tín ngưỡng nguyên thuỷ, dần dẩn đã biến thành tôn giáo. Ấn Độ giáo là một trong những tôn giáo lớn, mang tính chất phồn thực mạnh mẽ. Theo thần thoại Ấn Độ giáo, thần Shi-va xuất hiện lần đầu là một cột lửa có hình dương vật, biểu tượng của sự sáng tạo, sinh sôi và phát triển. Sau đó, không chỉ lin-ga mà cả y-o-ni cũng hoà vào một cặp thành lin-ga-y-o-ni, thành biểu tượng của thần với đặc tính dương (lin-ga) và âm (y-o-ni). Cặp đôi này thường được thờ trong các ngôi tháp Ấn Độ giáo. Lin-ga, y-o-ni không chỉ được tôn thờ ỏ’ Ấn Độ, mà còn khá phổ biến ở các nước có sự tiếp thu và chịu ảnh hưởng của Ấn Độ giáo, trong đó có Vương quốc Chăm-pa.

- Tư liệu vế sự tiếp xúc Phật giáo Trung Quốc và Đông Nam Á:

Các tài liệu Trung Quốc ghi chép rằng, nhà sư Nghĩa Tĩnh đã đến Pa-lem-bang lần đầu năm 671 và còn lui tới nhiều lẩn trong vòng 20 năm, có lấn lưu lại đến 4 năm. Ông đã viết hai tập hồi kí, kể rằng một vùng đất ông từng đến là Ma-lay-u, nay đã trở nên phồn thịnh. Nghĩa Tĩnh còn cho biết ông đã học chữ Phạn ở đây và từng lưu lại mấy năm để dịch kinh Phật. Ông còn kể rằng kinh đô Sri Vi-giay-a có hàng nghìn nhà sư hành đạo và khuyên là “nếu như có một nhà sư Trung Quốc nào muốn sang Ấn Độ thì trước hết hãy lưu lại đây vài năm để học hỏi những điều cần thiết rồi hây đi” (Lương Ninh, *Lịch sử Dông Nam Á,* Sđd, trang 103).

- Kiến trúc đền - núi: là kiểu kiến trúc rất đặc biệt ở Đông Nam Á, gồm một ngôi đền xây theo kiểu hình ngọn núi Mê-ru (núi thiêng ỏ’ Ấn Độ). Các công trình kiến trúc xây theo kiểu này có đền Bô-rô-bu-đua ỏ’ In-đô-nê-xi-a, quần thê đến núi La-ra Jong-gran ở In-đô-nê-xi-a.

- Tết té nước Song-kran (Thái Lan): Tham khảo thêm từ internet.

……………………………………………………..

*Năm học; 2023-2024*

TIẾT 27,28,29**- BÀI 14: NHÀ NƯỚC VÀN LANG - ÂU LẠC**

(Thời gian thực hiện: 03 tiết - Từ tiết 27 đến tiết 29)

Ngày soạn: 05/01/2024

Ngày giảng; 6A-10/01/2024

6B- 10/01/2024

6C- 11 /01/2024

6D- 08/01/2024

**I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên lược đồ.

- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

- Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

2. Về năng lực

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên; trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực.

- Lược đổ lãnh thổ Việt Nam ngày nay, phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh), tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc cá nhân.

- HS:

+ Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, suy nghĩ để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

+ Lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV Chiếu trên màn hình tờ lịch ngày 10-3 âm lịch rồi dẫn dắt vê' ý nghĩa của lễ hội Đền Hùng.

*“Em đã từng nghe truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên chưa? Nếu đã từng thì hãy kể lại vắn tắt nội dung truyền thuyết này. Truyền thuyết này nói lên điều gì?* Câu hỏi này cho phép HS được bày tỏ suy nghĩ theo góc nhìn của cá nhân. Tuy nhiên, để định hướng tốt hơn, GV có thê’ đặt các câu hỏi nhỏ khác như: *“Em hãy chỉ ra những điểm vô lí trong truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên”* (Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương và thần Long Nữ, là người thần, giống Rồng, đi lại được dưới nước, Âu Cơ là giống Tiên; Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nỏ’ ra 100 người con); *“Nếu vô lí thì vì sao đến nay, người Việt vẫn coi nhau là “đồng bào” và tự coi mình là Con Rồng cháu Tiên?”* (Vì truyền thuyết này có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hoá tinh thần của người Việt và người Việt luôn tự hào vế nòi giống dân tộc mình,...); sau đó dẫn dắt vào bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1. Mục 1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được ý nghĩa: Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc**.**

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Sử dụng tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc nhóm.

- HS: Dưới sự hướng dẫn của GV xem tư liệu, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:**  GV hướng dẫn HS đọc thông tin để thực hiện yêu cầu sau: *Hãy xác định phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.*  - Trước hết, GV gọi một số HS kể tên những con sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trên lược đồ (đó là sông Hóng, sông Mã, sông Chu, sông Cả,...).  - Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi và tập xác định trên lược đổ phạm vi không gian của nước Văn Lang. Sau đó, gọi đại diện một sổ cặp đôi lên chỉ trên lược đồ. GV cần nhấn mạnh ý như ở mục b đã lưu ý.  HS biết xác định trên lược đồ treo tường phạm vi không gian của nước Văn Lang (chủ yếu là lưu vực các con sông lớn: sông Hồng, sông Mã, sông Cả).  **Bước 2:**  GV có thể mở rộng cho HS tìm hiểu về sự ra đời Nhà nước Văn Lang dựa trên tìm hiểu truyền thuyết *Sơn Tinh - Thuỷ Tinh, Thánh Gióng đề* tìm câu trả lời .  HS nêu được: Do sự phát triển của công cụ đổng và sắt nên đời sống sản xuất có sự chuyển biến, cùng với nhu cấu làm thuỷ lợi (thể hiện qua truyền thuyết *Sơn Tinh - Thuỷ Tinh')* và chống ngoại xâm (thể hiện qua truyền thuyết *Thánh Gióng)* đã thúc đẩy sự ra đời Nhà nước đầu tiên - Nhà nước Văn Lang. GV nhấn mạnh đó là điểm tương đồng với sự hình thành các nhà nước phương Đông khác.  **Bước 3:** |  |
| GV cho HS thảo luận nhóm hoặc cặp đôi và ghi lại những thông tin chính về: thời gian ra đời, thủ lĩnh (vua), tên nước, kinh đô của Nhà nước Van Lang.  - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp với quan sát sơ đổ hình 2, để giúp HS nhận biết được tổ chức bộ máy, đặc điểm của Nhà nước Văn Lang  - GV cũng có thể mở rộng cho HS: *Em có nhận xét gì về tổ chức Nhà nước Văn Lang?* HS có thể thảo luận, dựa vào sơ đồ để rút ra nhận xét. GV đi đến kết luận cho HS: Tổ chức Nhà nước Văn Lang đã được hình thành từ Trung ương đến địa phương nhưng còn rất sơ khai, đơn giản.  **Bước 4:**  GV cho HS đọc thông tin để nhận biết rõ thời gian ra đời (thế kỉ VIITCN) và địa bàn chủ yếu (khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) của Nhà nước Văn Lang.  HS có thể thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp về “Ý *nghĩa của sự ra đời Nhà nước Văn Lang”,* sau đó đại diện nhóm lên trình bày. Các nhóm khác có thể bổ sung để đầy đủ hơn.  HS nêu được ý nghĩa: Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc. | - Vào khoảng thế kỉ VIITCN, nhà nước đẩu tiên ở Việt Nam ra đời - Nhà nước Văn Lang;  - Địa bàn chủ yếu của nước Văn Lang gắn liền với lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.  - Tổ chức Nhà nước Văn Lang:  *+ Ở* Trung ương, đứng đầu là Hùng Vương, giúp việc cho Hùng Vương là lạc hầu;  *+ Ở* địa phương, lạc tướng đứng đấu các bộ (có 15 bộ); bổ chính đứng đầu chiếng, chạ. |

**2.2. Mục 2. Sự ra đời nước Âu Lạc**

a. Mục tiêu:

- HS HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc.

b. Nội dung:

- GV:

+ Sử dụng tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc nhóm.

- HS: Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1,2,3:**  Trước hết, GV có thể dẫn dắt bằng việc giải thích nguồn gốc của tên gọi Âu Lạc: đó là dựa trên cơ sở hợp nhất hai tộc người Tây Âu, còn gọi là Âu Việt với Lạc Việt. GV định hướng cho HS hiểu tên gọi này xuất phát từ tinh thần hợp nhất dân tộc.  GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để xác định trên lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay (treo tường) phạm vi không gian của nước Âu Lạc.  HS xác định được phạm vi không gian nhà nước Âu Lạc và rút ra được nhận xét: Lãnh thổ Âu Lạc được mở rộng hơn so với Nhà nước Văn Lang.  GV cho HS khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Nước Áu Lạc ra đời trong bối cảnh nào?*  HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện cặp đôi lên trình bày trước lớp.  GV đặt câu hỏi và tổ chức HS thảo luận nhóm: *Nhà nước Ầu Lạc có điểm gì giống và khác so với Nhà Nước Văn Lang?*  HS chỉ ra được: Quyền lực của nhà vua được tăng cường hơn. Vị trí đóng đô có sự dịch chuyển từ miền núi Phong Châu xuống miền đồng bằng vùng Cổ Loa. Sức mạnh quân sự của Nhà nước Âu Lạc được để cao với việc xây dựng hệ thống thành luỹ và tạo nhiều loại vũ khí lợi hại,... |  |
| **Bước 4:**  GV còn có thể định hướng thảo luận: *Nước Âu Lạc thời An Dương Vương có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và nhiều vũ khí tốt, vì sao lại mất nước?* Từ đó, GV có thể chỉ rõ cả nguyên nhân từ phía kẻ xầm lược (Triệu Đà âm mưu, xảo quyệt,...) cùng nguyên nhân từ chính vua Thục (chủ quan, thiếu phòng bị cẩn thiết,...) và nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan là yếu tố quan trọng nhất. Trên cơ sở đó, giúp HS tự rút ra được bài học về việc mất nước. | - Thời gian thành lập: khoảng năm 208 TCN.  - Phạm vi không gian lãnh thổ của nước Âu Lạc: mỏ’ rộng hơn so với nước Văn Lang.  - Tổ chức nhà nước: không có nhiều thay đổi so với Nhà nước Văn Lang; quyền lực nhà vua được mở rộng hơn.  - Có quân đội mạnh, vũ khí tốt, đặc biệt có thành Cổ Loa.  - Chuyển kinh đô xuống vùng Cổ Loa (Hà Nội). |

**2.3. Mục 3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dần Văn Lang, Âu Lạc**

a. Mục tiêu:

- HS hiểu đời sống vật chất và tinh thần của cư dần Văn Lang, Âu Lạc.

b. Nội dung:

- GV:

+ Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh), tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,…

+ Tổ chức cho HS làm việc nhóm.

- HS: Dưới sự hướng dẫn của GV xem tranh ảnh, tư liệu, trao đổi thảo luận để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:**

**-**  Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1,2,3:**  GV có thể cho HS quan sát những hình ảnh (hình 6, 7, 8 trong SGK) hoặc trên màn hình trình chiếu kết hợp khai thác thông tin trong mục a. Đời sống vật chất và thực hiện yêu cầu: *Mô tả đời sống vật chất của người Việt cổ.*  *Yêu cẩu cần đạt:* GV hướng dẫn HS mô tả chi tiết từng hình để nêu được:  - Người Việt cổ thường ở trong những ngôi nhà sàn mái cong; phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyến; nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ,...  - Người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc đuôi sam, búi tó hoặc để xoã ngang vai; biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá, đồng, vỏ nhuyễn thể). Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, cởi trần, nữ mặc váy và yếm,...  GV có thể mở rộng thêm cho HS tìm hiểu về trống đồng Đông Sơn - biểu tượng của nền văn minh Việt cổ bằng các câu hỏi: *Quan sát hình ảnh trống đồng của người Việt cổ, em có nhận xét gì?* (tinh tế, đạt trình độ cao); *Việc tìm thấy trống đổng ở nhiều nước cho thấy điều gì?* (sự ảnh hưởng và lan toả của văn hoá Đông Sơn ra bên ngoài).  Để khai thác có hiệu quả nội dung này, GV có thể giao nhiệm vụ cho HS II. CHUẨN BỊ trước ở nhà để báo cáo/giới thiệu trước lớp về biểu tượng trống đồng Ngọc Lũ - một thành tựu tiêu biểu của văn hoá Đông Sơn và nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.  GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Những nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang - Áu Lạc là gì?*  HS nêu được: Nghề sản xuất chính đó là nông nghiệp trổng lúa nước, hoa màu, trổng dâu và nuôi tằm; luyện kim phát triển với kĩ thuật đúc đổng đạt đến trình độ cao; bước đầu đã biết đến rèn sắt. |  |
| **Bước 4:**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | *- Đời sống vật chất:*  + Nghề nông trồng lúa nước cùng vói việc khai khẩn đất hoang, làm thuỷ lợi.  + Nghề luyện kim vói nghề đúc đổng và rèn sắt đạt nhiều thành tựu rực rỡ (trống đồng, thạp đóng).  + Nguồn thức ăn và nhà ở.  + Trang phục và cách làm đẹp. |
| **Bước 1:**  GV cho HS đọc thông tin, quan sát hình 8 và trả lời câu hỏi: *Nêu những nét chính vê' đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Ầu Lạc.*  **Bước 2:**  GV cho HS mở rộng liên hệ thông qua các câu hỏi như: *Các em biết câu ca dao/truyền thuyết nào nói vê' trầu cau?* (Yêu nhau cau sáu bổ ba, Ghét nhau cau sáu bổ ba thành mười; Miếng trầu là đẩu câu chuyện hoặc Sự tích trầu cau,...); *Ngày Tết chúng ta thường làm những loại bánh gì?* (Bánh chưng, bánh giầy); *Kể một truyền thuyết liên quan đến phong tục của người Việt thời Hùng Vương* (Sự tích trẩu cau).  **Bước 3:** |  |
| GV có thể mở rộng kiến thức để giúp HS nhận biết được: *Những phong tục tập quán của người Việt cổ chịu sự chi phối của những yếu tố nào?* (Đó là: điều kiện tự nhiên - khí hậu, sông nước, kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, tinh thần cố kết cộng đồng,...).  HS nêu và lấy được ví dụ cho các ý chính như: tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu,... Đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước.  **Bước 4:**  GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. | *- Đời sống tinh thần:* Tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu,...; các lễ hội gắn với nông nghiệp trổng lúa nước. |
| *Tổng kết:* khái quát lại v' thời là dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhấn mạnh những giá trị cốt lõi mà thời Văn Lang - Âu Lạc để lại. Đó là: Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên vê' công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt lõi đó đã tạo dựng, hun đúc nên bản sắc, truyền thống, sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc ta vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1 000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau. | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về thời gian thành lập, tổ chức nhà nước, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm:**Hoàn thành bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1.** GV hướng dẫn HS lập bảng theo các tiêu chí đã nêu để tạo cơ sở so sánh hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà.

**c. Sản phẩm:** Bài tập nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 2.** GV định hướng HS chỉ ra 3 - 5 thành tựu tiêu biểu, có thể là các thành tựu vê' vật chất, hiện vật cụ thê’ như: thành cổ Loa, trống đổng Ngọc Lũ, thạp đổng Đào Thịnh,... củng có thêTà các giá trị mang tính trừu tượng, giá trị tinh thần (Tổ quốc, kĩ thuật luyện kim, nghê' nông trổng lúa nước,...).

GV hướng dẫn HS lựa chọn một thành tựu mà HS tâm đắc nhất để tìm hiểu thông tin và viết đoạn văn ngắn giới thiệu vê' thành tựu ấy. Trong đó, cần nêu được: *Thành tựu đó là gì? Thành tựu đó có gì đặc biệt? Sự ảnh hưởng của thành tựu đó đến ngày nay,...*

**Câu 3.** GV giúp HS hiểu được: Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10-3 âm lịch hằng năm là sự minh chứng cụ thể cho phong tục thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các vua Hùng đã có công dựng nước. Ý nghĩa của việc làm đó thê’ hiện rõ đạo lí uống nước nhớ nguồn và tâm thức luôn hướng vê' nguồn cội của người Việt.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Nền văn minh Việt cổ (còn gọi là nền văn minh sông Hóng) với biểu tượng trống đồng Đông Sơn, thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trổng lúa nước dựa trên một nền tảng cộng đồng xóm làng,... Nền văn minh sông Hống không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập được lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững vàng cho toàn bộ sự tổn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó” (Theo Phan Huy Lê (Chủ biên) (2012), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỉ XIV,* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.136).

- Trống đống Đông Sơn: Về múa hoá trang trong những ngày lễ hội như hội mùa, thường tổ chức vào mùa thu, mọi người tham gia náo nức, tấp nập. Mỗi tốp múa thường có 3-4 người hoặc có khi 6-7 người, hoá trang, đầu đội mũ lông chim; có người thổi kèn, có người cẩm vũ khí hoặc nhạc cụ. Họ múa theo một động tác thống nhất và thường hoà với tiếng hát ca.

Chính giữa mặt trống đồng là một ngôi sao nhiều cánh tượng trưng cho Mặt Trời. Trống đóng còn được gọi là “trống sấm”, người ta đánh trống đổng để cầu nắng, cầu mưa, những nghi lễ của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước.

Có thể xem trống đóng là biểu tượng tiêu biểu của nền văn minh Việt Cổ. Trống đồng Đông Sơn là sản phẩm của lao động sáng tạo, một tác phẩm nghệ thuật với những hình trang trí phong phú, sinh động, phủ đấy trên mặt trống đồng và tang trống, phản ánh bằng hình ảnh của cuộc sống lao động, những hình thức tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp thời Hùng Vương.

- Nước Âu Lạc: Nhà nước này được thành lập sau lần đoàn kết kháng chiến chống Tần của các bộ lạc Tây Âu và các bộ lạc Lạc Việt, đã trở thành một nước mạnh có quân đội hùng cường “giỏi cung nỏ, thạo thuỷ chiến”. Kho mũi tên đồng vô cùng lớn vế số lượng, những mũi tên tương đối lớn về kích thước (và có những điểm đặc biệt về hình dáng), phát hiện ở Cầu Vực (Khu di tích Cổ Loa) vào năm 1959, là cơ sở tốt để giải thích câu chuyện nỏ thần. Nhiều người chấp thuận ý kiến cho rằng chuyện nỏ thần phản ánh sự xuất hiện, hoặc ít nhất là cải tiến một thứ vũ khí mới lợi hại trong chiến đấu, có tác dụng sát thương cao. Chúng ta cũng không loại trừ khả năng một thứ nỏ máy thô sơ có thể một lúc bắn hàng loạt mũi tên nên truyền thuyết đã cường điệu thành loại nỏ “nhất phát sát vạn nhân” (Theo Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hoá Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm,* NXB Văn học, Hà Nội, tr.625).

………………………………………….